

Số: 12 /2020/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 242/TTr-STNMT ngày 02/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình như sau:



1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 14 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng;

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

2. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động trong thời gian 06 tháng”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 14 như sau:

“5. Các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này được chi trả bằng tiền ngay sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt.”

3. Sửa đổi tiêu đề Điều 24 như sau:

“Điều 24. Trách nhiệm của các sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan và của người sử dụng đất có đất bị thu hồi”

4. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 24 như sau:

“a) Hướng dẫn, thẩm định các nội dung bồi thường tài sản là nhà, công trình xây dựng...; xác định quy mô, diện tích, sự tuân thủ pháp luật xây dựng của các công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường và hỗ trợ cho từng đối tượng;”

5. Bổ sung các khoản 10, khoản 11, khoản 12 vào Điều 24 như sau:

"10. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 70 và Điều 71 Luật Đất đai; một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức thông báo, họp phổ biến, tuyên truyền, vận động người sử dụng đất có đất bị thu hồi thực hiện kế hoạch thu hồi đất.

- Chủ trì tổ chức kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đai, tài sản, cây cối, hoa màu của người sử dụng đất có đất bị thu hồi, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Chủ trì tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn chỉnh phương án trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thống nhất với Chủ đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về thời gian chuyển tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để chi trả nhưng không quá 05 ngày kể từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; thông báo đến từng người có đất bị thu hồi các nội dung: Mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư; thời gian địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian người có đất thu hồi bàn giao đất đã thu hồi.

- Tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt.

- Tiếp nhận, quản lý mặt bằng khu đất khi người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng để bàn giao đất cho chủ đầu tư theo quy định.

11. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Có văn bản đề nghị tự nguyện ứng trước và cam kết chuyển tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thời gian đã thống nhất với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong quá trình lập, tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

- Chuyển đầy đủ, kịp thời tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo cam kết để Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

12. Trách nhiệm của người sử dụng đất có đất thu hồi

Chấp hành kế hoạch thu hồi đất, kê khai diện tích, loại đất, vị trí đất, số lượng tài sản hiện có trên đất, kê khai số nhân khẩu, số lao động, các thông tin khác có liên quan và đề xuất nhu cầu tái định cư (nếu có) theo hướng dẫn của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.”

Điều 2. Bãi bỏ Điều 22 của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2020.

2. Trường hợp đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt. Trường hợp chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật liên quan.

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc Hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Thái Bình;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KTTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Đặng Trọng Thăng